TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HS-ST
Ngày 13-01-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tô Thị Lành và ông Nguyễn Bá Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 183/2022/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Duy S, sinh năm 1997 tại Gia Lai; nơi đăng ký thường trú: Thôn 2, xã T, huyện I, tỉnh Gia Lai; chỗ ở trước khi bị bắt: 54/27/3 đường V, tổ 2, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Duy H và bà Trần Thị L; bị cáo chưa có vợ và con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giữ ngày 30-5-2022 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Có mặt.

Bị hại:

- Bà Phạm Thị N, sinh năm 1962; địa chỉ: 193 đường T, tổ 5, phường B, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Bà Đặng Thị N2, sinh năm 1959; địa chỉ: 46/81 đường P, tổ 8, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị M: Ông Nguyễn Mạnh D, sinh năm 1956; địa chỉ: 06 đường H, tổ 7, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai (theo văn bản uỷ quyền ngày 07-01-2023). Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ 4, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Trần T2, sinh năm 1990; địa chỉ: Lô A2, chợ Hoa Lư, tổ 4, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Ông Lê Hoàng V, sinh năm 1972; địa chỉ: 144 đường H, tổ 2, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Bà Trần Thị L, sinh năm 1960; địa chỉ: 54/27/3 đường V, tổ 2, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Trên cơ sở kết quả điều tra, xác định được như sau:

Với thủ đoạn lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác của những người phụ nữ lớn tuổi khi đeo dây chuyền đi ra đường, trong thời gian từ ngày 17 đến ngày 28-5-2022 trên địa bàn phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Trần Duy S đã thực hiện 4 vụ cướp giật tài sản của người khác rồi nhanh chóng tẩu thoát để chiếm đoạt, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 19 giờ ngày 17-5-2022, Trần Duy S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 81B1-328.09 đi dạo trên địa bàn phường Đ, thành phố P để tìm cơ hội giật tài sản của người khác. Khi đi đến đầu hẻm số 17 đường Đ, thuộc tổ 4, phường Đ, S phát hiện có bà Phạm Thị N đang đứng ở lề đường, trên cổ bà N có đeo sợi dây chuyền. S điều khiển xe mô tô 81B1-328.09 đi đến áp sát phía sau lưng bà N, dùng tay phải giật sợi dây chuyền trên cổ bà N, rồi tăng ga chạy thoát. Sau đó, S mang sợi dây chuyền vừa chiếm đoạt được của bà N đến tiệm bạc K (Địa chỉ: Lô A2 chợ H, thuộc tổ 4, phường H, thành phố P) bán cho anh Trần T2 (là chủ tiệm) được 430.000 đồng để sử dụng tiêu xài. Sau khi bị giật dây chuyền, bà N đã đến Công an phường Đ, thành phố P trình báo. Quá trình điều tra vụ án, trên cơ sở lời khai của S, Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với anh T2 và thu giữ sợi dây chuyền mà anh T2 mua của S. Qua giám định và định giá, xác định sợi dây chuyền của bà N bị S chiếm đoạt vào ngày 17-5-2022 là chất liệu vàng Ý, trị giá 10.440.000 đồng. Sau khi định giá, Cơ quan điều tra đã trả lại sợi dây chuyền cho bà N.

Vụ thứ hai: Khoảng 12 giờ ngày 20-5-2022, Trần Duy S điều khiển xe mô tô 81B1-328.09 đi đến hẻm số 46 đường Đ, thuộc tổ 8, phường Đ, thành phố P, phát hiện có bà Đặng Thi N2 đang điều khiển xe mô tô đi cùng chiều phía trước, trên cổ bà N2 có đeo dây chuyền bằng kim loại màu vàng. S điều khiển xe mô tô 81B1-328.09 vượt lên, áp sát vào bên trái xe mô tô của bà N2, dùng tay phải giật sợi dây chuyền trên cổ bà N2, rồi tăng ga chạy thoát. Sau khi bị giật dây chuyền,

bà N2 đã đến Công an phường Đ, thành phố P trình báo. S mang dây chuyền đến tiệm vàng D bán cho ông Lê Hoàng V được 12.400.000 đồng để sử dụng tiêu xài. Sau khi mua, ông V đã chế tác lại dây chuyền và bán cho người khác nên Cơ quan điều tra không thu hồi được. Qua điều tra xác định dây chuyền S chiếm đoạt của bà N2 vào ngày 20-5-2022 là chất liệu vàng 18K, trọng lượng 5 chỉ; qua định giá xác định dây chuyền trị giá 14.500.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 10 giờ ngày 24-5-2022, Trần Duy S điều khiển xe mô tô 81B1-328.09 đi đến đầu đường HT, thuộc tổ 7, phường Đ, thành phố P, phát hiện bà Nguyễn Thị M đang đi bộ bên trái đường (theo hướng từ đường L vào đường HT), trên cổ bà M có đeo dây chuyền bằng kim loại màu vàng. S điều khiển xe mô tô 81B1-328.09 áp sát vào bên phải bà M, dùng tay trái giật sợi dây chuyền trên cổ của bà M, rồi tăng ga chạy thoát. Sau khi bị giật dây chuyền, bà M đã đến Công an phường Đ, thành phố P trình báo. S mang sợi dây chuyền đến tiệm vàng N, bán cho cho ông Lê Hoàng V được 13.000.000 đồng để sử dụng tiêu xài. Sau khi mua dây chuyền, ông V đã chế tác lại và bán cho người khác nên Cơ quan điều tra không thu hồi được. Qua điều tra xác định dây chuyền S chiếm đoạt của bà M vào ngày 24-5-2022 là chất liệu vàng 24K, trọng lượng 3 chỉ; qua định giá xác định dây chuyền trị giá 15.000.000 đồng.

Vụ thứ tư: Khoảng 17 giờ ngày 28-5-2022, Trần Duy S điều khiển xe mô tô 81B1-328.09 đi đến đoạn lô 5-5, đường U, thuộc tổ 4, phường Đ, thành phố P, phát hiện bà Nguyễn Thị Thu T1 đang đi bộ, trên cổ bà T1 có đeo dây chuyền bằng kim loại màu vàng. S điều khiển xe mô tô 81B1-328.09 áp sát vào bên trái bà T1, dùng tay phải giật sợi dây chuyền trên cổ của bà T1, rồi tăng ga chạy thoát. Sau khi bị giật dây chuyền, bà T1 đã đến Công an phường Đ, thành phố P trình báo. S mang sợ dây chuyền đến tiệm vàng N, bán cho ông Lê Hoàng V được 5.200.000 đồng để sử dụng tiêu xài. Sau khi mua dây chuyền, ông V đã chế tác lại và bán cho người khác nên Cơ quan điều tra không thu hồi được. Qua điều tra xác định dây chuyền S chiếm đoạt của bà T1 vào ngày 28-5-2022 là chất liệu vàng 18K, trọng lượng 3 chỉ; qua định giá xác định dây chuyền trị giá 9.000.000 đồng.

Qua kiểm tra, xác minh, Công an phường Đ, thành phố P nghi ngờ Trần Duy S là người đã thực hiện các vụ cướp giật dây chuyền của người khác trên địa bàn phường nên ngày 30-5-2022 đã mời S đến trụ sở để làm rõ. Tại Công an phường Đ, biết không thể che giấu hành vi của bản thân nên S đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi dùng xe mô tô làm phương tiện để giật, chiếm đoạt dây chuyền của người khác như nêu trên, đồng thời giao nộp phương tiện phạm tội là xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 81B1-328.09.

2. Các vấn đề khác:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì đối với các kết luận định giá tài sản số 81/KL-HĐĐGTS ngày 06-6-2022 và số 94/KL-HĐĐGTS ngày 28-6-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố P.

3. Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Cáo trạng số: 191/CT-VKS ngày 31-10-2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Trần Duy S về tội "*Cướp giật tài sản*" theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Trần Duy S và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trần Duy S phạm tội "*Cướp giật tài sản*".

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 38; Điều 50; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Duy S với mức án từ 3 năm 6 tháng đến 4 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại theo trị giá của tài sản bị chiếm đoạt mà Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố P đã kết luận.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật; bị cáo rất ăn năn, hối hận và xin lỗi các bị hại. Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc có khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Xét thấy lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Trần Duy S phạm tội như sau:

Từ ngày 17 đến ngày 28-5-2022, trên địa bàn phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai, với thủ đoạn lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của người khác khi đeo

dây chuyền và tham gia giao thông, Trần Duy S đã thực hiện 4 vụ dùng xe mô tô làm phương tiện để áp sát, giật dây chuyền của người khác rồi nhanh chóng tẩu thoát để chiếm đoạt. Tài sản Trần Duy S chiếm đoạt được là 4 sợi dây chuyền các loại bằng chất liệu vàng Ý, vàng 18K và vàng 24K, có tổng trị giá 48.940.000 đồng. Đến ngày 30-5-2022, khi được Công an phường Đ, thành phố P mời đến trụ sở để làm việc, Trần Duy S đã đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên, đồng thời giao nộp xe mô tô đã sử dụng làm phương tiện đi chiếm đoạt tài sản.

Hành vi giật dây chuyền của người khác rồi nhanh chóng tẩu thoát để chiếm đoạt tài sản của bị cáo Trần Duy S đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Với việc thực hiện hành vi này, bị cáo đã phạm tội "*Cướp giật tài sản*" theo quy định tại Điều 171 Bộ luật Hình sự, bị cáo dùng xe mô tô làm phương tiện để thực hiện tội phạm vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo phạm vào tình tiết định khung quy định tại điểm d khoản 2 của điều luật là "*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*" như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình với một hình phạt tương xứng.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự; đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho các bị hại và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi Công an phường Đ mời đến trụ sở để làm việc, bị cáo đã ý thức được hành vi vi phạm pháp luật và đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; tại phiên toà, bà Đặng Thị N2 và ông Nguyễn Mạnh D xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: "*Phạm tội 02 lần trở lên*" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo không có nghề nghiệp, việc làm ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bà Phạm Thị N đã nhận lại sợi dây chuyền bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì khác về dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Bị cáo phải bồi thường cho các bị hại trị giá các tài sản bị chiếm đoạt theo kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự mà Hội đồng định giá tài sản đã xác định, theo đó bị cáo phải bồi thường cho: Bà Đặng Thị N2 14.500.000 đồng, bà Nguyễn Thị M 15.000.000 đồng và bà Nguyễn Thị Thu T1 9.000.000 đồng.

Bị cáo đã tác động gia đình là bà Trần Thị L nộp 10.000.000 đồng để bồi thường một phần thiệt hại cho các bị hại.

Tại phiên tòa, bị cáo trình bày: Đối với 10.000.000 đồng nói trên, bị cáo tự nguyện bồi thường cho bà Đặng Thị N2 3.500.000 đồng, bà Nguyễn Thị M 4.000.000 đồng và bà Nguyễn Thị Thu T1 2.500.000 đồng.

Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc bồi thường cho các bị hại. Đồng thời, bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại cho các bị hại.

Anh Trần T2 không yêu cầu bị cáo phải trả lại 430.000 đồng mà anh Trần T2 đã chi ra để mua dây chuyền do bị cáo mang đến bán vào ngày 17-5-2022 nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về các vấn đề khác:

Xe mô tô 81B1-328.09 do Trần Duy S giao nộp, qua điều tra xác định là tài sản của bà Trần Thị L. Việc bị cáo mượn xe mô tô 81B1-328.09 để sử dụng, nhưng sau đó dùng làm phương tiện thực hiện 4 vụ cướp giật tài sản của người khác trong vụ án này, thì bà Trần Thị L không biết. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã trả lại xe mô tô trên cho bà Trần Thị L, là có căn cứ.

Anh Trần T2 và ông Lê Hoàng V, là những người đã mua dây chuyền do bị cáo chiếm đoạt được mang đến bán, qua điều tra xác định: Anh Trần T2 và ông Lê Hoàng V đều làm nghề kinh doanh nữ trang, vàng, bạc; khi mua dây chuyền do bị cáo mang đến bán, anh Trần T2 và ông Lê Hoàng V đều không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P không xem xét, xử lý về hình sự đối với anh Trần T2 và ông Lê Hoàng V về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, là có căn cứ.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 38; Điều 50; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Duy S;

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Trần Duy S phạm tội *"Cướp giật tài sản"*.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Trần Duy S 4 (*bốn*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30-5-2022.

3. Về bồi thường thiệt hại:

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Trần Duy S phải bồi thường cho: Bà Đặng Thị N2 14.500.000 đồng, bà Nguyễn Thị M 15.000.000 đồng và bà Nguyễn Thị Thu T1 9.000.000 đồng.

Bị cáo đã nộp 10.000.000 đồng (Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24-1-2022 giữa Công an thành phố P và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P); ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc bồi thường cho bà Đặng Thị N2 3.500.000 đồng, bà Nguyễn Thị M 4.000.000 đồng và bà Nguyễn Thị Thu T1 2.500.000 đồng.

Bị cáo còn phải bồi thường cho bà Đặng Thị N2 11.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị M 11.000.000 đồng và bà Nguyễn Thị Thu T1 6.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Duy S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.925.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào các Điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo, bà Đặng Thị N2, bà Nguyễn Thị M và bà Trần Thị L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày 13-01-2023. Đối với những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án sơ thẩm được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. P;
- UBND phường H, thành phố P;
- UBND xã T, huyện I;
- Bị cáo;
- Các bị hại;
- Những người có QL, NVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền